

**CÔNG TY CP NTACO**

Số: 03/2023/CV-CBTT  
V/v Công bố thông tin

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2023



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Mã chứng khoán: ATA

Trụ sở Công ty: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0763.931477

Người thực hiện công bố thông tin: Vương Kim Quyên

Địa chỉ: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0763.931477

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính 2022

**Người thực hiện công bố thông tin**

**Vương Kim Quyên**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**



---

*Tháng 03 năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2 - 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4 - 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6 - 7

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Thanh Sơn  | Chủ tịch   |
| Ông Trần Minh Trọng   | Thành viên |
| Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên |
| Bà Lê Thị Phương Thảo | Thành viên |

##### **Ban Giám đốc**

|                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Đức Huy | Phó Tổng Giám đốc |
|--------------------|-------------------|

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính năm 2022 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Ngày 31 tháng 03 năm 2023



Số: **373** /2023/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần NTACO**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần NTACO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2022 cũng như tại thời điểm kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế do đó Chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị còn lại lần lượt là 13,03 tỷ và 3,48 tỷ đồng.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 01/01/2022 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 8,96 tỷ VND; 0,6 tỷ VND; 7,6 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,87 tỷ VND; 161,75 tỷ VND và 321,17 tỷ VND và xác nhận số dư tại ngày 31/12/2022 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 8,96 tỷ VND; 0,53 tỷ VND; 7,6 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,87 tỷ VND; 161,75 tỷ VND và 321,17 tỷ VND. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cũng như đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng (nếu có) cho các số dư công nợ nêu trên trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022.

Trong năm công ty chưa trích trước các khoản lãi vay quá hạn của các khoản vay ngân hàng Chúng tôi không có bằng chứng và cơ sở để thực hiện ước tính ảnh hưởng của khoản chi phí lãi vay chưa được ghi nhận này đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi đến hạn, quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

Công ty đã bị Cục thuế tỉnh An Giang ra thông báo số 2853/TB-CT ngày 05/06/2019 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

Mặt khác, tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế của công ty âm 600.399.095.448 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.399.115.448 đồng. Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 496.909.418.319 đồng. Mặt khác các hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập được các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên cũng như chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ.

Theo đó giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, báo cáo tài chính kèm theo Công ty vẫn đang lập theo giả định hoạt động liên tục.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần NTACO cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến với báo cáo tài chính này tại ngày 29/03/2022.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**



**ĐẶNG MINH ĐỨC - Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2020-112-1

**TRẦN HỒNG GIANG - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3893-2022-112-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cum tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2022

| <b>TÀI SẢN</b>                               | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2022<br/>VND</b> | <b>01/01/2022<br/>VND</b> |
|----------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b>   |                    | <b>10.040.419.131</b>     | <b>10.106.419.131</b>     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền           | 110          | 4                  | 19.061.665                | 19.061.665                |
| Tiền                                         | 111          |                    | 19.061.665                | 19.061.665                |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           | <b>130</b>   |                    | <b>9.440.296.748</b>      | <b>9.506.296.748</b>      |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131          | 5                  | 8.964.172.279             | 8.964.172.279             |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132          | 6                  | 530.032.343               | 596.032.343               |
| Phải thu ngắn hạn khác                       | 136          | 7                  | 7.602.388.882             | 7.602.388.882             |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137          |                    | (7.656.296.756)           | (7.656.296.756)           |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>150</b>   |                    | <b>581.060.718</b>        | <b>581.060.718</b>        |
| Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152          |                    | 581.060.718               | 581.060.718               |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b>   |                    | <b>16.510.302.871</b>     | <b>16.510.302.871</b>     |
| <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b>   |                    | <b>16.510.302.871</b>     | <b>16.510.302.871</b>     |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221          | 8                  | 13.026.882.871            | 13.026.882.871            |
| - Nguyên giá                                 | 222          |                    | 97.638.079.587            | 97.638.079.587            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223          |                    | (84.611.196.716)          | (84.611.196.716)          |
| Tài sản cố định vô hình                      | 227          | 9                  | 3.483.420.000             | 3.483.420.000             |
| - Nguyên giá                                 | 228          |                    | 3.483.420.000             | 3.483.420.000             |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác           | 253          | 10                 | 1.335.000.000             | 1.335.000.000             |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254          |                    | (1.335.000.000)           | (1.335.000.000)           |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                          | <b>270</b>   |                    | <b>26.550.722.002</b>     | <b>26.616.722.002</b>     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cum tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

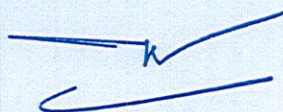
Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31/12/2022

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND        | 01/01/2022<br>VND        |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>506.949.837.450</b>   | <b>506.949.837.450</b>   |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>506.949.837.450</b>   | <b>506.949.837.450</b>   |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 11          | 7.872.501.845            | 7.872.501.845            |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        |             | 67.227.930               | 67.227.930               |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 12          | 6.313.315.060            | 6.313.315.060            |
| Phải trả người lao động                         | 314        |             | 743.268.001              | 743.268.001              |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 14          | 161.751.631.437          | 161.751.631.437          |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 15          | 8.789.724.937            | 8.789.724.937            |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | 13          | 321.171.538.900          | 321.171.538.900          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 240.629.340              | 240.629.340              |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>(480.399.115.448)</b> | <b>(480.333.115.448)</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>16</b>   | <b>(480.399.115.448)</b> | <b>(480.333.115.448)</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 119.999.980.000          | 119.999.980.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 119.999.980.000          | 119.999.980.000          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | (600.399.095.448)        | (600.333.095.448)        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | (600.333.095.448)        | (600.108.916.423)        |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | (66.000.000)             | (224.179.025)            |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                           | <b>440</b> |             | <b>26.550.722.002</b>    | <b>26.616.722.002</b>    |

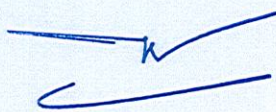
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Phụ trách kế toán



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cum tiêu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

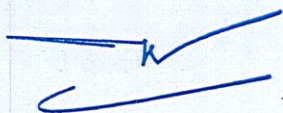
Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Chi tiêu                                             | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND     | Năm 2021<br>VND      |
|------------------------------------------------------|-----------|-------------|---------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01        | 17          | -                   | 1.353.943.920        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        |             | -                   | -                    |
| <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> |             | -                   | <b>1.353.943.920</b> |
| Giá vốn hàng bán                                     | 11        | 18          | -                   | 967.102.800          |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | -                   | <b>386.841.120</b>   |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | 19          | -                   | 64.680               |
| Chi phí tài chính                                    | 22        |             | -                   | -                    |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                     | 23        |             | -                   | -                    |
| Chi phí bán hàng                                     | 25        |             | -                   | -                    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 26        | 20          | 66.000.000          | 611.084.825          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>30</b> |             | <b>(66.000.000)</b> | <b>(224.179.025)</b> |
| Thu nhập khác                                        | 31        |             | -                   | -                    |
| Chi phí khác                                         | 32        |             | -                   | -                    |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                | <b>40</b> |             | -                   | -                    |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>             | <b>50</b> |             | <b>(66.000.000)</b> | <b>(224.179.025)</b> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                          | 51        | 21          | -                   | -                    |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                           | 52        |             | -                   | -                    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>60</b> |             | <b>(66.000.000)</b> | <b>(224.179.025)</b> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | 70        | 22          | (6)                 | (19)                 |

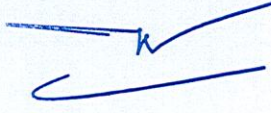
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Phụ trách kế toán



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cum tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

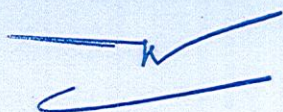
Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Chỉ tiêu                                                                                       | Mã số | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND | Năm 2021<br>VND |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                 |       |             |                 |                 |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                           | 1     |             | (66.000.000)    | (224.179.025)   |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                                |       |             |                 |                 |
| (Lãi) hoạt động đầu tư                                                                         | 05    |             | -               | (64.680)        |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                           | 08    |             | (66.000.000)    | (224.243.705)   |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09    |             | 66.000.000      | (265.715.990)   |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |             | -               | 493.902.309     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                           | 20    |             | -               | 3.942.614       |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                     |       |             |                 |                 |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                                | 27    |             | -               | 64.680          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                               | 30    |             | -               | 64.680          |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                                  |       |             |                 |                 |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                            | 40    |             | -               | -               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                         | 50    |             | -               | 4.007.294       |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                               | 60    | 4           | 19.061.665      | 15.054.371      |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                              | 70    | 4           | 19.061.665      | 19.061.665      |

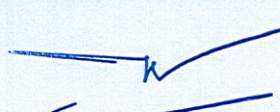
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Phụ trách kế toán



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

## CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần NTACO (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1600513044 ngày 11 tháng 04 năm 2007, thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 119.999.980.000 VND.

##### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra.

##### 1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra

Chế biến thủy sản; chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến, mua bán nông sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản (doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 06 tỷ đồng).

##### 1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### 1.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Năm 2022, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ 66.000.000 đồng, lỗ lũy kế 600.399.095.448 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.399.115.448 đồng. Tại ngày 31/12/2022, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 496.909.418.319 đồng

Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi đến hạn, quá hạn là: 152.184.436.609 đồng. Ngoài ra công ty còn có các khoản nợ gốc vay Ngân hàng khác đã đến hạn nhưng chưa có khả năng chi trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

Các yếu tố trên dẫn tới sự nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng, kho đông lạnh nhân rồi để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

#### 1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

#### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### 2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

##### 2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

##### 3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <i>Loại tài sản</i>               | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 – 45                        |
| - Máy móc, thiết bị               | 08 – 10                        |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 - 10                        |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 11                        |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất

**3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

**3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, phụ phẩm từ các loại thủy hải sản

**Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

**3.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

**3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

*Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***3.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty thuộc Tổng Công ty và các công ty con cùng Tổng Công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                   | 31/12/2022        | 01/01/2022        |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                   | VND               | VND               |
| - Tiền mặt                        | 5.296.436         | 5.296.436         |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 13.765.229        | 13.765.229        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>19.061.665</b> | <b>19.061.665</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                         | 31/12/2022           |                        | 01/01/2022           |                        |
|-----------------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|                                         | Giá trị VND          | Dự phòng VND           | Giá trị VND          | Dự phòng VND           |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                      | <b>8.964.172.279</b> | <b>(6.363.958.359)</b> | <b>8.964.172.279</b> | <b>(6.363.958.359)</b> |
| - Global Trading Ltd.,                  | 4.182.076.555        | (4.182.076.555)        | 4.182.076.555        | (4.182.076.555)        |
| - Công ty CP Thiết kế nội thất Nam Tiến | 1.353.943.920        | -                      | 1.353.943.920        | -                      |
| - Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật      | 1.246.270.000        | -                      | 1.246.270.000        | -                      |
| - Phải thu khác                         | 2.181.881.804        | (2.181.881.804)        | 2.181.881.804        | (2.181.881.804)        |
| <b>b) Dài hạn</b>                       | -                    | -                      | -                    | -                      |
| <b>Cộng</b>                             | <b>8.964.172.279</b> | <b>(6.363.958.359)</b> | <b>8.964.172.279</b> | <b>(6.363.958.359)</b> |

**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1****6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                                     | 31/12/2022         |                      | 01/01/2022         |                      |
|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
|                                                     | Giá trị VND        | Dự phòng VND         | Giá trị VND        | Dự phòng VND         |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                  | <b>530.032.343</b> | <b>(473.762.174)</b> | <b>596.032.343</b> | <b>(473.762.174)</b> |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I | 177.969.960        | (177.969.960)        | 177.969.960        | (177.969.960)        |
| - Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep    | 84.463.227         | (84.463.227)         | 84.463.227         | (84.463.227)         |
| - Các khoản khác                                    | 267.599.156        | (211.328.987)        | 333.599.156        | (211.328.987)        |
| <b>b) Dài hạn</b>                                   | -                  | -                    | -                  | -                    |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>530.032.343</b> | <b>(473.762.174)</b> | <b>596.032.343</b> | <b>(473.762.174)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***7. PHẢI THU KHÁC**

|                        | 31/12/2022           |                      | 01/01/2022           |                      |
|------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                        | Giá trị VND          | Dự phòng VND         | Giá trị VND          | Dự phòng VND         |
| a) Ngắn hạn            | 7.602.388.882        | (818.590.223)        | 7.602.388.882        | (818.590.223)        |
| - Tạm ứng              | 233.653.997          | (233.653.997)        | 233.653.997          | (233.653.997)        |
| - Phải thu khác        | 7.368.734.885        | (584.936.226)        | 7.368.734.885        | (584.936.226)        |
| + Ông Nguyễn Thanh Sơn | 6.783.798.659        | -                    | 6.783.798.659        | -                    |
| + Các khoản khác       | 584.936.226          | (584.936.226)        | 584.936.226          | (584.936.226)        |
| b) Dài hạn             | -                    | -                    | -                    | -                    |
| <b>Cộng</b>            | <b>7.602.388.882</b> | <b>(818.590.223)</b> | <b>7.602.388.882</b> | <b>(818.590.223)</b> |

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                        | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng             |
|------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------------|------------------|
|                        | VND                      | VND                 | VND                                   | VND                            | VND              |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>      |                          |                     |                                       |                                |                  |
| 01/01/2022             | 33.895.946.021           | 62.518.411.810      | 579.163.636                           | 644.558.120                    | 97.638.079.587   |
| 31/12/2022             | 33.895.946.021           | 62.518.411.810      | 579.163.636                           | 644.558.120                    | 97.638.079.587   |
| <b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>  |                          |                     |                                       |                                |                  |
| 01/01/2022             | (24.092.881.352)         | (59.294.593.608)    | (579.163.636)                         | (644.558.120)                  | (84.611.196.716) |
| 31/12/2022             | (24.092.881.352)         | (59.294.593.608)    | (579.163.636)                         | (644.558.120)                  | (84.611.196.716) |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> |                          |                     |                                       |                                |                  |
| 01/01/2022             | 9.803.064.669            | 3.223.818.202       | -                                     | -                              | 13.026.882.871   |
| 31/12/2022             | 9.803.064.669            | 3.223.818.202       | -                                     | -                              | 13.026.882.871   |

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất không thời hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

|                          | 31/12/2022           |                        | 01/01/2022            |                      |                        |                       |
|--------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
|                          | Giá gốc<br>VND       | Dự phòng<br>VND        | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND       | Dự phòng<br>VND        | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Đầu tư vào đơn vị khác   | 1.335.000.000        | (1.335.000.000)        | (**)                  | 1.335.000.000        | (1.335.000.000)        | (**)                  |
| + Công ty CP Âu Việt (*) | 1.335.000.000        | (1.335.000.000)        | (**)                  | 1.335.000.000        | (1.335.000.000)        | (**)                  |
| <b>Cộng</b>              | <b>1.335.000.000</b> | <b>(1.335.000.000)</b> | <b>(**)</b>           | <b>1.335.000.000</b> | <b>(1.335.000.000)</b> | <b>(**)</b>           |

(\*) Góp vốn vào Công ty CP Âu Việt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty.

(\*\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2020. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|                                     | 31/12/2022           |                          | 01/01/2022           |                                 |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------------|
|                                     | Giá trị<br>VND       | Số có khả năng<br>trả nợ | Giá trị<br>VND       | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                  | <b>7.872.501.845</b> | <b>7.872.501.845</b>     | <b>7.872.501.845</b> | <b>7.872.501.845</b>            |
| - Công ty CP Âu Việt                | 6.000.000.000        | 6.000.000.000            | 6.000.000.000        | 6.000.000.000                   |
| - Công ty CP Thủy sản Gentraco      | 873.459.321          | 873.459.321              | 873.459.321          | 873.459.321                     |
| - Công ty TNHH Xây dựng Phúc Thiện  | 112.320.000          | 112.320.000              | 112.320.000          | 112.320.000                     |
| - Các khoản phải trả người bán khác | 886.722.524          | 886.722.524              | 886.722.524          | 886.722.524                     |
| <b>b) Dài hạn</b>                   | -                    | -                        | -                    | -                               |
| <b>Cộng</b>                         | <b>7.872.501.845</b> | <b>7.872.501.845</b>     | <b>7.872.501.845</b> | <b>7.872.501.845</b>            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                                          | 01/01/2022           |     | Số phải nộp trong năm |     | Số đã thực nộp trong năm |     | 31/12/2022           |     |
|------------------------------------------|----------------------|-----|-----------------------|-----|--------------------------|-----|----------------------|-----|
|                                          | VND                  | VND | VND                   | VND | VND                      | VND | VND                  | VND |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp</b>        |                      |     |                       |     |                          |     |                      |     |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp         | 1.244.535.520        | -   | -                     | -   | -                        | -   | 1.244.535.520        |     |
| - Thuế tài nguyên                        | 6.600.000            | -   | -                     | -   | -                        | -   | 6.600.000            |     |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất            | 3.160.695.320        | -   | -                     | -   | -                        | -   | 3.160.695.320        |     |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 1.901.484.220        | -   | -                     | -   | -                        | -   | 1.901.484.220        |     |
|                                          | <b>6.313.315.060</b> | -   | -                     | -   | -                        | -   | <b>6.313.315.060</b> |     |

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

| Nội dung                                                        | 31/12/2022             |                        | Trong năm |      | 01/01/2022             |                        |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------|------|------------------------|------------------------|
|                                                                 | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Tăng      | Giảm | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i) | 236.613.778.977        | 236.613.778.977        | -         | -    | 236.613.778.977        | 236.613.778.977        |
| - Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh An Giang (ii)                   | 25.126.740.856         | 25.126.740.856         | -         | -    | 25.126.740.856         | 25.126.740.856         |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iii)      | 53.317.842.389         | 53.317.842.389         | -         | -    | 53.317.842.389         | 53.317.842.389         |
| - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iv)   | 3.512.715.551          | 3.512.715.551          | -         | -    | 3.512.715.551          | 3.512.715.551          |
| - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang (v)      | 1.600.461.127          | 1.600.461.127          | -         | -    | 1.600.461.127          | 1.600.461.127          |
| - Vay cá nhân ông Dương Thái Nguyên (vi)                        | 1.000.000.000          | 1.000.000.000          | -         | -    | 1.000.000.000          | 1.000.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                     | <b>321.171.538.900</b> | <b>321.171.538.900</b> | -         | -    | <b>321.171.538.900</b> | <b>321.171.538.900</b> |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp)**

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng hạn mức số 201/2010/NHNT.AG ngày 15/6/2010 và các Hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm hợp đồng 201/2010/NHNT.AG). Với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, nhà máy, văn phòng làm việc, máy móc thiết bị.
- (ii) Vay Ngân hàng NN&PTNT tỉnh An Giang theo Hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22/5/2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là Quyền sở hữu công trình xây dựng, hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/HĐTC ngày 22/5/2013.
- (iii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo các Hợp đồng tín dụng số 48/2014/HĐTDXH-NHPT-ĐT.AG ngày 19/5/2014. Mục đích vay để thực hiện phương án kinh doanh mặt hàng xuất khẩu cá tra. Lãi suất vay theo từng Kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba và các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng – CN An Giang theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20/05/2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng hóa tồn kho cá thành phẩm.
- (v) Vay theo Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDNT2-VIB621/11 ngày 16/03/2011 và các Phụ lục hợp đồng. Hạn mức 9 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho, dây chuyền sản xuất từ cá phế phẩm.
- (vi) Đây là các khoản vay từ các cá nhân phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là dưới 12 tháng. Lãi suất từ 1% đến 1,2%/tháng.

Trong năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên đã tuyên bản án vụ kiện giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Công ty Cổ phần NTACO và tiến hành phát mãi đấu giá một số tài sản cầm cố thế chấp để thu hồi gốc vay.

Đồng thời, ngày 29/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên cũng tuyên bản án sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST về việc buộc Công ty Cổ phần NTACO có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng; lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng và lãi quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                    | 31/12/2022             | 01/01/2022             |
|--------------------|------------------------|------------------------|
|                    | VND                    | VND                    |
| <b>a) Ngắn hạn</b> |                        |                        |
| - Lãi vay phải trả | 161.751.631.437        | 161.751.631.437        |
| <b>b) Dài hạn</b>  | -                      | -                      |
| <b>Cộng</b>        | <u>161.751.631.437</u> | <u>161.751.631.437</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***15. PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                    | 31/12/2022           | 01/01/2022           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                    | VND                  | VND                  |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                 | <b>8.789.724.937</b> | <b>8.789.724.937</b> |
| - Kinh phí công đoàn               | 26.594.000           | 26.594.000           |
| - Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật | 8.558.000.000        | 8.558.000.000        |
| - Ông Trần Minh Trọng              | 205.130.937          | 205.130.937          |
| <b>b) Dài hạn</b>                  | -                    | -                    |
| <b>Cộng</b>                        | <b>8.789.724.937</b> | <b>8.789.724.937</b> |

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

| Khoản mục             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng                |
|-----------------------|---------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
|                       | VND                       | VND                               | VND                      |
| <b>01/01/2021</b>     | <b>119.999.980.000</b>    | <b>(600.108.916.423)</b>          | <b>(480.108.936.423)</b> |
| - Lỗi trong năm trước | -                         | (224.179.025)                     | (224.179.025)            |
| <b>31/12/2021</b>     | <b>119.999.980.000</b>    | <b>(600.333.095.448)</b>          | <b>(480.333.115.448)</b> |
| <b>01/01/2022</b>     | <b>119.999.980.000</b>    | <b>(600.333.095.448)</b>          | <b>(480.333.115.448)</b> |
| - Lỗi trong năm nay   | -                         | (66.000.000)                      | (66.000.000)             |
| <b>31/12/2022</b>     | <b>119.999.980.000</b>    | <b>(600.399.095.448)</b>          | <b>(480.399.115.448)</b> |

**16.2 CỔ PHIẾU**

|                                               | 31/12/2022        | 01/01/2022        |
|-----------------------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                               | CP                | CP                |
| <b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>    | <b>11.999.998</b> | <b>11.999.998</b> |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> | <b>11.999.998</b> | <b>11.999.998</b> |
| + Cổ phiếu phổ thông                          | 11.999.998        | 11.999.998        |
| + Cổ phiếu ưu đãi                             | -                 | -                 |
| <b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>         | -                 | -                 |
| + Cổ phiếu phổ thông                          | -                 | -                 |
| + Cổ phiếu ưu đãi                             | -                 | -                 |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>        | <b>11.999.998</b> | <b>11.999.998</b> |
| + Cổ phiếu phổ thông                          | 11.999.998        | 11.999.998        |
| + Cổ phiếu ưu đãi                             | -                 | -                 |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>       | <i>10.000</i>     | <i>10.000</i>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                          | Năm 2022<br>VND | Năm 2021<br>VND      |
|------------------------------------------|-----------------|----------------------|
| <b>Doanh thu</b>                         | -               | 1.353.943.920        |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | -               | 1.353.943.920        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>-</b>        | <b>1.353.943.920</b> |

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                                | Năm 2022<br>VND | Năm 2021<br>VND    |
|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|
| - Giá vốn hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp | -               | 967.102.800        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>-</b>        | <b>967.102.800</b> |

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                              | Năm 2022<br>VND | Năm 2021<br>VND |
|------------------------------|-----------------|-----------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | -               | 64.680          |
| <b>Cộng</b>                  | <b>-</b>        | <b>64.680</b>   |

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                             | Năm 2022<br>VND   | Năm 2021<br>VND    |
|-----------------------------|-------------------|--------------------|
| - Thuế, phí và lệ phí       | -                 | 609.578.925        |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 66.000.000        | 1.505.900          |
| <b>Cộng</b>                 | <b>66.000.000</b> | <b>611.084.825</b> |

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                | Năm 2022<br>VND     | Năm 2021<br>VND      |
|------------------------------------------------|---------------------|----------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>       | <b>(66.000.000)</b> | <b>(224.179.025)</b> |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ          | -                   | -                    |
| <b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>       | <b>(66.000.000)</b> | <b>(224.179.025)</b> |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20%                 | 20%                  |
| <b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>             | <b>-</b>            | <b>-</b>             |
| <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>        | <b>-</b>            | <b>-</b>             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                                       | Năm 2022<br>VND | Năm 2021<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | (66.000.000)    | (224.179.025)   |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)       | 11.999.998      | 11.999.998      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>                              | <b>(6)</b>      | <b>(19)</b>     |

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty không cung cấp bất kỳ loại hàng hóa hay dịch vụ nào. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****24.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

| Bên liên quan                                                                   | Mối quan hệ                                                                                                                             |                              |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật<br>Công ty CP Thu Nợ Dân An -CN HCM            | Ông Nguyễn Thanh Sơn là đồng chủ tịch HĐQT<br>Ông Nguyễn Thanh Sơn chủ tịch HĐQT công ty đồng thời là giám đốc Công ty CP thu nợ Dân An |                              |
| Ông Nguyễn Thanh Sơn<br>Ông Trần Minh Trọng                                     | Chủ tịch HĐQT<br>Thành viên HĐQT                                                                                                        |                              |
| <b>Số dư với các bên liên quan</b>                                              | <b>31/12/2022</b>                                                                                                                       | <b>1/1/2022</b>              |
| <b>Phải thu của khách hàng</b><br>Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật              | 1.246.270.000                                                                                                                           | 1.246.270.000                |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b><br>Ông Nguyễn Thanh Sơn                           | 6.783.798.659                                                                                                                           | 6.783.798.659                |
| <b>Phải trả khác</b><br>Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật<br>Ông Trần Minh Trọng | 8.558.000.000<br>205.130.937                                                                                                            | 8.558.000.000<br>205.130.937 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

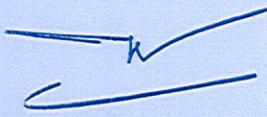
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

**24.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

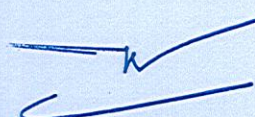
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Người lập biểu**



**Trần Minh Trọng**

**Phụ trách kế toán**



**Trần Minh Trọng**

**Chủ tịch HĐQT**  
  
**Nguyễn Thanh Sơn**

